

Bản Thông Tin An Toàn

* * *Mục 1 - LAI LỊCH* * *

Định Danh Sản Phẩm: Mực BS4 Hồng Tía

Mô Tả Sản Phẩm: BS4-M-60-2 / BS4-M-2L-2

Công dụng của sản phẩm

Mực màu cho máy in phun mực

Các Giới Hạn Sử Dụng

Chưa biết.

Thông tin về nhà sản xuất

Mimaki Engineering Co., Ltd

2182-3 Shigeno-otsu, Tomi-shi, Nagano

389-0512 Japan

Số Điện Thoại: +81-268-64-2413

Số điện thoại khẩn cấp

+84 28 4458 2388 (chỉ trong phạm vi Việt Nam)

+65 3158 1074

* * *Mục 2 - THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN* * *

CAS	thành phần	phần trăm
Bí mật thương mại	Các dung môi glycol ete	70-80
96-48-0	γ -Butyrolactone	10-20
Bí mật thương mại	Hồng tía họ quinacridone	1-10
Bí mật thương mại	Nhựa loại acrylic	1-10
Bí mật thương mại	Copolymer Etylen-Vinyl Acetat Clo Hóa (CEVA)	1-10
Bí mật thương mại	Bột màu phức azo-niken	0.1-5
Bí mật thương mại	Phụ gia 1	0.1-5
Bí mật thương mại	Phụ gia 2	0.1-5

Chất ô nhiễm

Lai lịch và/hoặc thành phần phần trăm của hóa chất đang được lưu giữ ở dạng bí mật thương mại.

* * *Mục 3 – NHÃN DANG NGUY CƠ* * *

Phân Loại theo GHS

Chất lỏng dễ cháy, Nhóm 4

Tổn Thương Mắt/Kích Ứng Mắt Nghiêm Trọng, Nhóm 2A

Độc Tính Đối Với Cơ Quan Đích Đặc Hiệu - Tiếp Xúc Một lần, Nhóm 2 (hệ thần kinh trung ương)

THÀNH PHẦN NHÃN GHS (Các) Ký Hiệu



Bản Thông Tin An Toàn

Từ Cảnh Báo

CẢNH BÁO

(Các) Tiêu Ngữ Hiểm Họa

H227 Chất lỏng có thể cháy.

H319 Gây kích ứng mạnh cho mắt.

H371 Có thể gây tổn thương cho hệ thần kinh trung ương.

(Các) Tiêu Ngữ Đề Phòng

Phòng ngừa

P210 Tránh xa nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần/các bề mặt nóng.- Không hút thuốc. **P260** Không hít bụi/khói/khí/sương/hoi/bụi xịt. **P270** Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi đang sử dụng sản phẩm này. **P280** Sử dụng găng tay bảo hộ/trang phục bảo hộ/phương tiện bảo vệ mắt/phương tiện bảo vệ mặt. **P264** Tắm rửa cẩn thận sau khi thao tác.

Ứng phó

P370+P378 Trong trường hợp cháy: Sử dụng chất chữa cháy phù hợp. **P308+P313** NẾU tiếp xúc hoặc có liên quan: Nhận tư vấn y tế / chú ý. **P305+P351+P338** NẾU BỊ VẮNG VÀO MẮT: Rửa mắt kỹ bằng nước trong nhiều phút. Tháo kính tiếp xúc ra, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa. **P337+P313** Nếu vẫn tiếp tục bị kích ứng mắt: Tìm ý tế hướng dẫn/chăm sóc.

Bảo quản

P405 Bảo quản trong tình trạng khóa chặt. **P403** Bảo quản ở nơi thông khí tốt. **P235** Giữ mát.

Thải bỏ

P501 Thải bỏ vật liệu bên trong/dụng cụ đựng theo các quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.

Các Hiểm Họa khác không Dẫn Đến phải Phân Loại

Chưa biết.

* * *Mục 4 - CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU* * *

hít phải

Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ cho họ được dễ thở. Gọi cho TRUNG TÂM ĐỘC CHẤT hoặc bác sĩ.

da

Rửa bằng nhiều xà phòng và nước. Cởi quần áo bị nhiễm ra và giặt sạch trước khi sử dụng lại.

Tìm ý tế' chăm sóc nếu bị kích ứng.

mắt

Rửa mắt bằng nhiều nước trong ít nhất 15 phút. Tháo kính tiếp xúc ra, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa. Nếu tình trạng kích ứng hoặc đau không giảm sau 15 phút kể từ khi rửa mắt, tìm ý tế' chăm sóc.

ăn phải

Nếu nuốt phải, tìm ý tế' chăm sóc.

Bác sĩ cần lưu ý

Điều trị triệu chứng và hỗ trợ.

Triệu chứng: Tức Thờì

kích ứng mắt, tổn thương hệ thần kinh trung ương

Triệu chứng: Chạm Xảy Ra

Không có thông tin về các tác dụng bất lợi đáng kể.

Bản Thông Tin An Toàn

*****Mục 5 - CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY*****

Chất Chữa Cháy Phù Hợp

cacbon dioxyt, bột khô thông thường, hóa chất khô thông thường, nước xịt, bọt chịu alcol

Chất Chữa Cháy Không Phù Hợp

Không gây phát tán vật liệu bị tràn đổ bằng nước xịt áp suất cao.

Hiểm Họa Đặc Biệt Phát Sinh từ Hóa Chất

Chất lỏng và hơi có thể cháy. Các khói và khí gây kích ứng có thể được phóng thích khi xử lý nhiệt hoặc trong khi cháy.

Trang Bị Bảo Hộ và Biện Pháp Đề Phòng Đặc Biệt cho Nhân Viên Chữa Cháy

Sử dụng trang phục bảo hộ chữa cháy đầy đủ kể cả thiết bị thở độc lập (SCBA) để bảo vệ chống khả năng bị tiếp xúc.

Các Biện Pháp Chữa Cháy

Đưa thùng chứa ra khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không gặp nguy hiểm. Không gây phát tán vật liệu bị tràn đổ bằng nước xịt áp suất cao. Làm nguội dụng cụ đựng bằng nước cho đến khi lửa đã tắt hẳn được một lúc. Tránh xa các đầu cua bồn chứa. Tránh hít phải vật liệu hoặc các sản phẩm phụ của quá trình cháy. Khi cháy tại khu vực hàng hóa đang vận chuyển hoặc cất giữ: Làm nguội dụng cụ đựng bằng cách phun nước từ thiết bị giữ ống hoặc hong phun đôi hướng không người cho đến khi lửa đã tắt hẳn được một lúc. Nếu không thể làm được việc này thì phải thực hiện các biện pháp đề phòng sau đây: Người không có trách nhiệm cần tránh xa, cô lập khu vực hiểm họa, không cho vào. Đề cho lửa đột cháy. Rút ngay lập tức khi có âm thanh phát ra càng lúc càng lớn từ van xa khí an toàn hoặc bồn chứa bị biến màu do lửa.

Các Sản Phẩm Cháy Gây Nguy Hiểm

Cháy: oxyt của cacbon, oxyt của nitơ

*****Mục 6 - CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ RÒ RỈ BẤT NGỜ*****

Các Biện Pháp Đề Phòng Cá Nhân, Trang Bị Bảo Hộ và Quy Trình Xử Lý Khẩn Cấp

Sử dụng quần áo và trang bị bảo hộ cá nhân, xem mục 8.

Các Biện Pháp Đề Phòng Cho Môi Trường

Tránh thải ra môi trường.

Các Phương Pháp và Vật Liệu dùng để Ngăn Chặn và Làm Sạch

Loại bỏ mọi nguồn lửa nếu có thể thực hiện được an toàn. Ngăn chặn rò rỉ nếu có thể làm được mà không bị nguy hiểm cho người. Làm giảm bớt hơi bằng cách xịt nước.

Các Phương Pháp Làm Sạch

Lượng tràn đổ nhỏ: Dùng đất, cát hoặc các vật liệu không cháy khác để thấm hút rồi chuyển vào thùng chứa. Đứng ở đầu gió và tránh những khu vực thấp. Thu gom vật liệu bị tràn đổ vào dụng cụ đựng phù hợp để thải bỏ.

Lượng tràn đổ lớn: Ngăn chặn thu gom để thải bỏ sau này. Người không có trách nhiệm cần tránh xa, cô lập khu vực hiểm họa, không cho vào.

*****Mục 7 - THAO TÁC VÀ BẢO QUẢN*****

Các biện pháp đề phòng cho Thao Tác An Toàn

Tránh xa nhiệt, tia lửa, ngọn lửa trần và các bề mặt nóng - Không hút thuốc. Không hít hơi hoặc sương. Tránh tiếp xúc với mắt, da, và quần áo. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi đang sử dụng sản phẩm này. Sử dụng găng tay/trang phục và kính mắt/kính che mặt bảo hộ. Tắm rửa cẩn thận sau khi thao tác.

Bản Thông Tin An Toàn

Các điều kiện Bảo Quản An Toàn, kể cả mọi Chất Tương Ky

Bao quan và xử lý theo tất cả các quy định và tiêu chuẩn hiện hành. Bảo quản ở nơi thông khí tốt. Giữ dụng cụ đựng thật kín. Giữ mát. Cân tiếp đất và kết nối. Bảo quản trong tình trạng khóa chặt. Giữ cách ly khỏi các chất tương ky.

Các chất tương ky: axit, kiềm, vật liệu oxy hóa, halogen

* * *Mục 8 - KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN* * *

Giới Hạn Tiếp Xúc Của Thành Phần

ACGIH, NIOSH, OSHA, AIHA, và Việt Nam chưa xây dựng được giới hạn tiếp xúc cho bất kỳ thành phần nào của sản phẩm này.

Các Giá Trị Giới Hạn Sinh Học Của Thành Phần

Không có giá trị giới hạn sinh học nào cho (các) thành phần của sản phẩm này.

Các Biện Pháp Kiểm Soát Kỹ Thuật Phù Hợp

Cung cấp phương tiện hút thoát khí tại chỗ hoặc hệ thống thông khí cho buồng kín của quy trình làm việc. Bảo đảm tuân thủ các giới hạn tiếp xúc hiện hành.

Các Biện Pháp Bảo Vệ Cá Nhân, như Trang Bị Bảo Hộ Cá Nhân

Mắt/Mặt

Đeo kính an toàn chống văng bắn có bộ phận che mặt. Cung cấp đệm rửa mắt khẩn cấp và tắm ướn nhanh ngay cạnh khu vực làm việc.

Trang Phục Bảo Hộ

Mặc quần áo chống hóa chất phù hợp.

Các đề nghị về găng tay

Đeo găng tay chống hóa chất phù hợp.

Bảo Vệ Đường Hô Hấp

Tham khảo ý kiến một chuyên viên y tế và an toàn cho mặt nạ cụ thể thích hợp cho việc sử dụng của bạn

* * *Mục 9 - TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC* * *

Trạng Thái Vật Lý:	chất lỏng	Ngoại quan:	đỏ chất lỏng
Màu:	đỏ	Dạng Vật Lý:	chất lỏng
Mùi:	mu'ì dung môi	Ngưỡng Phát Hiện Mùi:	Không có
pH:	Không có	Điểm Chảy:	Không có
Điểm Sôi:	Không có	Điểm Chớp Cháy:	70 °C
Nhiệt Độ Phân Hủy:	Không có	Tốc Độ Bay Hơi:	Không có
LEL (Giới hạn tiếp xúc dưới):	2.5 vol % (Glycol ether loại dung môi)	UEL (Giới hạn tiếp xúc trên):	33.0 vol % (Glycol ether loại dung môi)
Áp Suất Hơi:	<=0.1 kPa (20°C) (Glycol ether loại dung môi)	Tỷ Khối Hơi (không khí = 1):	Không có
Tỷ trọng:	0.973 g/cm3	Độ Tan Trong Nước:	Không có
log Kow (logarit của hệ số phân tách octanol - nước):	Không có	Hệ Số Phân Bố Trong Nước/Dầu:	Không có

Bản Thông Tin An Toàn

Nhiệt Độ Tự Bốc Cháy:	169 °C (Glycol ether loại dung môi)	Độ Nhớt:	4.0-4.5 mPas @25 °C
Khả năng bay hơi:	Không có	Tính Chất Oxy Hóa:	Không có
Tính Chất Nổ:	Không có	Khả năng cháy (rắn, khí):	Không áp dụng

Thông Tin Về Tính Chất Khác

Không có thông tin thêm.

*****Mục 10 - ĐỘ BỀN VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG*****

Khả năng phản ứng

Dự kiến sẽ không có hiểm họa do khả năng phản ứng.

Độ bền hóa học

Bền trong các điều kiện sử dụng bình thường. Tránh tiếp xúc với vật liệu tương kỵ.

Các điều kiện cần Tránh

Tránh ngọn lửa, tia lửa và các nguồn lửa khác. Tránh tiếp xúc với vật liệu tương kỵ.

Khả Năng Phản Ứng Nguy Hiểm

Sẽ không polyme hóa.

Các Vật Liệu Tương Kỵ

axit, kiềm, vật liệu oxy hóa, halogen

Sản Phẩm Phân Hủy Gây Nguy Hiểm:

Cháy: oxýt của cacbon, oxýt của nito

*****Mục 11 - Thông Tin Về Độc Tính*****

Độc Tính Lâu Dài và Cấp Tính

Phân Tích Thành Phần - LD50/LC50

(Các) thành phần của vật liệu này đã được kiểm tra lại ở nhiều nguồn khác nhau và các tiêu chí đánh giá được chọn sau đây đã được công bố:

Các dung môi glycol ete (Bí mật thương mại)

LD50 (liều bán tử) qua miệng chuột (chuột cống) 6500 µL/kg

γ-Butyrolactone (96-48-0)

LD50 (liều bán tử) qua miệng chuột (chuột cống) 1540 mg/kg; LC50 (Nồng độ bán tử) qua hô hấp chuột (chuột cống) >5100 mg/m³ 4 h (không có tương hợp tư vong nào xảy ra)

Hồng tía họ quinacridone (Bí mật thương mại)

LD50 (liều bán tử) qua miệng chuột (chuột cống) >23 g/kg

Phu gia 2 (Bí mật thương mại)

LD50 (liều bán tử) qua miệng chuột (chuột cống) 40 g/kg; LD50 (liều bán tử) qua da thỏ >20 mL/kg

Các Tác Dụng Tức Thời

kích ứng mắt, tổn thương hệ thần kinh trung ương

Các Tác Dụng Chậm Xảy Ra

Không có thông tin về các tác dụng bất lợi đáng kể.

Dự liệu về Khả năng Kích ứng/Ăn mòn

kích ứng mắt

Chất Gây Mẫn Cảm Đường Hô Hấp

Không có thông tin về sản phẩm.

Bản Thông Tin An Toàn

Chất Gây Mẫn Cảm Da

Không có thông tin về sản phẩm.

Khả năng gây ung thư

Khả Năng Gây Ung Thư Của Thành Phần

γ -Butyrolactone (96-48-0)

IARC: Chuyên khảo 71 [1999]; Phụ lục 7 [1987]; Chuyên khảo 11 [1976] (Nhóm 3 (không thể phân loại))

Copolymer Etylen-Vinyl Acetat Clo Hoá (CEVA) (Bí mật thương mại)

IARC: Phụ lục 7 [1987]; Chuyên khảo 19 [1979] (Nhóm 3 (không thể phân loại))

Dữ liệu về Gây Đột Biến Gen

Không có thông tin về sản phẩm.

Dữ Liệu Về Các Tác Dụng Trên Sinh Sản

Không có thông tin về sản phẩm.

Độc Tính Đối Với Cơ Quan Đích Đặc Hiệu - Tiếp Xúc Một Lần

hệ thần kinh trung ương

Độc Tính Đối Với Cơ Quan Đích Đặc Hiệu - Tiếp Xúc Nhiều Lần

Chưa xác định được cơ quan đích nào.

hiểm họa hít phải

Không có thông tin về sản phẩm.

Các Bệnh Sẽ Nặng Thêm khi Tiếp Xúc

Không có thông tin về sản phẩm.

Mục 12 - THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc tính sinh thái

Có hại cho các thủy sinh vật.

Độc Tính Cho Môi Trường Nước

γ -Butyrolactone (96-48-0)

Tảo: 72 Hr EC50 Desmodesmus subspicatus: 360 mg/L; 96 Hr EC50 Desmodesmus subspicatus: 79 mg/L

Động vật không xương sống: 48 Hr EC50 Daphnia magna Straus: >500 mg/L

Phu gia 2 (Bí mật thương mại)

Tảo: 72 Hr EC50 Desmodesmus subspicatus: 8 mg/L

Độ Bền Và Khả Năng Phân Hủy

Không có thông tin về sản phẩm.

Khả Năng Tích Tụ Sinh Học

Không có thông tin về sản phẩm.

Khả năng di chuyển trong Chất Mang Của Môi Trường

Không có thông tin về sản phẩm.

Mục 13 - XEM XÉT VỀ VIỆC THẢI BỎ

Các Phương Pháp Thải Bỏ

Thải bỏ theo tất cả các quy định hiện hành.

Mục 14 - THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

Bản Thông Tin An Toàn

Thông tin về IATA

Không được quy định là hàng nguy hiểm cho vận chuyển.

Thông tin về ICAO

Không được quy định là hàng nguy hiểm cho vận chuyển.

Thông tin về ADR

Không được quy định là hàng nguy hiểm cho vận chuyển.

Thông tin về IMDG

Không được quy định là hàng nguy hiểm cho vận chuyển.

* * *Mục 15 - THÔNG TIN VỀ QUY ĐỊNH* * *

Danh Mục

Sản phẩm này được đánh giá và quản lý theo các quy định hiện hành của Việt Nam, bao gồm:

Luật Hóa chất số 69/2025/QH15.

Nghị định số 24/2026/NĐ-CP quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất.

Nghị định số 26/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.

Thông tư số 01/2026/TT-BCT quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP, bao gồm phân loại hóa chất, ghi nhãn hóa chất và Phiếu An toàn hóa chất (SDS).

Luật Hóa Chất - Phụ lục I - Hóa Chất Có Điều Kiện

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong Luật Hóa Chất của Việt Nam - Phụ lục I - Hóa Chất Có Điều Kiện.

Luật Hóa Chất - Phụ lục II - Hóa Chất Bị Hạn Chế

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong Luật Hóa Chất của Việt Nam - Phụ lục II - Hóa Chất Bị Hạn Chế

Luật Hóa Chất - Phụ lục III - Hóa Chất Bị Cấm

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong Luật Hóa Chất của Việt Nam - Phụ lục III - Hóa Chất Bị Cấm

Luật Hóa Chất - Phụ Lục IV - Hóa Chất Phải Xây Dựng Kế Hoạch Phòng Ngừa Sự Cố Bất Ngờ và Ứng Cứu

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong Luật Hóa Chất của Việt Nam - Phụ Lục IV - Hóa Chất Phải Xây Dựng Kế Hoạch Phòng Ngừa Sự Cố Bất Ngờ và Ứng Cứu.

Luật Hóa Chất - Phụ Lục V - Hóa Chất Phải Thông Báo

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong Luật Hóa Chất của Việt Nam - Phụ lục V - Hóa Chất Phải Thông Báo.

* * *Mục 16 - Thông Tin Khác* * *

Chú Dẫn/Chú Giải

ACGIH - Hội Nghị Chuyên Gia Vệ Sinh Công Nghiệp của Chính Phủ Hoa Kỳ; ADR - Vận Chuyển Đường Bộ Châu Âu; CAS - Dịch Vụ Thông Tin Hóa Chất Tóm Tắt; CLP - Phân Loại, Ghi Nhãn và Đóng Gói; EEC - Cộng Đồng Kinh Tế Châu Âu; EIN (EINECS) - Danh mục Hóa Chất Thương Mại Hiện Hữu của châu Âu; ELN (ELINCS) - Danh Mục Hóa Chất Đa-Được Thông Báo của Châu Âu; IARC - Cơ Quan Nghiên Cứu Ung Thư Quốc Tế; IATA - Hiệp Hội Vận Chuyển Hàng Không Quốc Tế; IMDG - Quy Định Quốc Tế Về Vận Chuyển Đường Biển Hàng Nguy Hiểm; Mã IBC - Mã Quốc Tế của Hóa Chất Khối Lượng Lớn; Kow - Hệ số phân tách octanol/nước; LC50 - Nồng Độ Tư Vong, 50%; LD50 - Liều Tử Vong, 50%; LEL - Giới Hạn Nổ Dưới; LOLI - Danh mục của các



Định Danh Sản Phẩm: Mực BS4 Hồng Tía

An Toàn: 037-S184564

Ngày thiết lập: 2019/01/11

Ngày sửa đổi: 2026/08/28

Bản Thông Tin An Toàn

danh mục™ - Cơ sở dữ liệu các quy định của ChemADVISOR; MAK - Giá Trị Nồng Độ Tối Đa tại Nơi Làm Việc; MEL - Giới Hạn Tiếp Xúc Tối Đa; NTP = Chương Trình Chất Độc Quốc Gia; REACH - Đăng Ký, Đánh Giá, Cấp Phép và Hạn Chế Hóa Chất; RID - Vận Chuyển Đường Sắt Châu Âu; STEL - Giới Hạn Tiếp Xúc Ngắn Hạn; TWA - Nồng Độ Bình Quân Theo Thời Gian; UEL - Giới Hạn Nổ Trên.

Thông tin khác

Thông tin cung cấp trong Bản Thông Tin An Toàn này không phải là đầy đủ và chỉ nên xem như là một hướng dẫn. Tuy thông tin và các đề nghị nêu tại đây được tin là chính xác, công ty không có bất kỳ bảo đảm nào về các thông tin và đề nghị đó và từ khước tất cả mọi trách nhiệm pháp lý nảy sinh từ việc tin cậy vào đó.

Kết thúc Bản Thông Tin 037-S181751